

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 185/2018/HSST
Ngày 27-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Tô Thị Lành

2. Bà Trần Thị Lê Na

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lệ Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hóa - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án Nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 111/2018/HSST ngày 06 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2018/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

Phan Văn T, sinh năm 1971 tại Hà Tĩnh. Nơi ĐKKHKT: Thôn ĐH, thị trấn CP, huyện CP, tỉnh Gia Lai; chỗ ở: Thôn TĐ, xã ĐBS, huyện T, tỉnh Đăk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T, sinh năm 1940 và bà Đinh Thị A, sinh năm 1943; có vợ là Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1977 (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2002; tiền án; Không, tiền sự: Không; về nhân thân: Bản án số 14/2010/HSST ngày 19-3-2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xử phạt Phan Văn T 02 (hai) năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Ngày 17-5-2018, bị bắt theo Lệnh truy nã và bị tạm giữ từ ngày 17-5-2018, đến ngày 26-5-2018 bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Bị hại:

1. Chị Huỳnh Thị Mỹ C, sinh năm 1986; trú tại: 77 đường HVT, tổ 2, phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

2. Bà Lê Thị D, sinh năm 1974; trú tại: 206 đường LTT, phường IK, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

3. Chị Lê Thị L, sinh năm 1978; trú tại: 34 đường NTN, phường TB, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

4. Ông Trần Hữu Đ, sinh năm 1968; trú tại: Tổ 7, phường AP, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

5. Ông Vũ Viết Q, sinh năm 1959; trú tại: 07 đường TTT, Tổ 12, phường PĐ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt

6. Bà Nguyễn Thị Lệ N, sinh năm 1975; trú tại: Tổ dân phố 9, thị trấn C, huyện CS, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Lê Hữu H, sinh năm 1983; Trú tại: Thôn V, xã HX, huyện HK, tỉnh Hà Tĩnh. Vắng mặt

2. Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1988; trú tại: 26 đường HV, thị trấn ST, huyện ST, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian Lê Hữu H học nghề tại tiệm sửa chữa xe máy của Phan Văn T, Hải đã tự độ chế một chiếc văm phá khóa bằng cách dùng mũi của một chiếc Tuốc nơ vít mài dẹp để tra cho vừa ổ khóa xe mô tô và dùng một khóa lục giác gắn vào mũi Tuốc nơ vít thành hình chữ “T”. Hải đã sử dụng văm phá khóa này để thử vào các xe mô tô đem vào tiệm sửa xe của T thấy kết quả đều mở được. Do đó, H nảy sinh ý định sử dụng văm phá khóa này để chiếm đoạt xe mô tô để bán lấy tiền tiêu xài. Do đó, H đã rủ Phan Văn T cùng đi chiếm đoạt xe mô tô tại địa bàn tỉnh Gia Lai và tỉnh Kon Tum thì được T đồng ý.

Trước khi thực hiện hành vi chiếm đoạt xe mô tô, H và T thống nhất bàn bạc phương thức, thủ đoạn chiếm đoạt xe mô tô như sau: T là người điều khiển xe mô tô chở H đi dạo trên địa bàn tỉnh Gia Lai và tỉnh Kon Tum nếu phát hiện thấy xe mô tô của người dân để sơ hở không có người trong coi thì T dừng xe, H trực tiếp dùng văm phá khóa để mở khóa và điều khiển xe chạy lên thị trấn Sa Thầy, huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum để bán xe cho Đỗ Văn C. Quá trình thực hiện hành vi chiếm đoạt nếu người dân phát hiện và truy đuổi thì T điều khiển xe mô tô chạy theo sau để ngăn cản.

Trong khoảng thời gian từ ngày 20/5/2009 đến ngày 02/7/2009, Lê Hữu H rủ Phan Văn T đã thực hiện các vụ chiếm đoạt xe mô tô trên địa bàn thành phố Pleiku và huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng 19 giờ 40 phút ngày 20-5-2009, Lê Hữu H rủ Phan Văn T đi trộm cắp tài sản. Phan Văn T đồng ý và dùng xe mô tô biển số 81H8-3870 chở Lê Hữu H đi đến Quốc lộ 14, thuộc xã Chư HDRông, thành phố Pleiku thì phát hiện thấy một chiếc xe mô tô hiệu Yamaha – Sirius biển số 81T3-6881 đang dựng trước nhà anh Đào Tiến D, không có người trông coi. Lê Hữu H đã sử dụng văm phá khóa để mở ổ khóa điện rồi cả hai điều khiển xe đến huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum gửi lại nhà của Đỗ Văn C. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô biển số 81T3-6881 thuộc sở hữu của chị Huỳnh Thị Mỹ C. Chiếc xe này được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kon Tum thu giữ và đã chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku xử lý theo thẩm quyền. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku đã trả lại cho chị Huỳnh Thị Mỹ C. Sau khi

nhận lại tài sản, chị Huỳnh Thị Mỹ C không có yêu cầu gì. Qua định giá kết luận: Xe mô tô hiệu Yamaha – Sirius biển số 81T3-6881 có giá trị 17.860.000đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng 11 giờ ngày 13-6-2009, Lê Hữu H rủ Phan Văn T, đi trộm cắp tài sản. Phan Văn T điều khiển xe mô tô 81H8- 3870 chở Lê Hữu H đi đến trước số nhà 468 Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku thì phát hiện chiếc xe mô tô Yamaha Sirius biển số 81K5-8340 của bà Lê Thị D dựng trước nhà và không có người trông coi. Lê Hữu H đã sử dụng vạm phá khóa để mở ổ khóa điện rồi cả hai điều khiển xe đến huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum và đem bán cho Đỗ Văn C được 6.500.000 đồng. Số tiền này H và T chia nhau tiêu xài. Chiếc xe này đã trả lại cho bà D và bà D không yêu cầu gì về phần bồi thường. Qua định giá kết luận: Xe mô tô Yamaha Sirius biển số 81K5-8340 có giá trị 14.240.000đồng.

Vụ thứ 3: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 19-6-2009, Lê Hữu H rủ Phan Văn T đi trộm cắp tài sản. Th đồng ý và dùng xe mô tô biển số 81H8-3870 cùng H đi đến xã Diên Phú, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai phát hiện thấy một xe mô tô hiệu DAEHAN biển số 81H7-8109 của chị Lê Thị L dựng bên cạnh lô cao su và không có người trông coi. Lê Hữu H đã sử dụng vạm phá khóa để mở ổ khóa điện rồi cả hai điều khiển xe đến huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum và đem bán cho Đỗ Văn C được 1.200.000đồng. Số tiền này H và T chia nhau tiêu xài. Hiện chiếc xe này không thu hồi được. Qua định giá kết luận: Xe mô tô hiệu DAEHAN biển số 81H7-8109 có giá trị 7.500.000đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 116/2012/HSST ngày 07-9-2012 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku đã giải quyết yêu cầu bồi thường của chị Lê Thị L và buộc bị cáo Lê Hữu H phải bồi thường cho chị L số tiền là 13.000.000đồng.

Vụ thứ 4: Khoảng 19 giờ ngày 24-6-2009, Lê Hữu H rủ Phan Văn T đi trộm cắp tài sản. T đồng ý và điều khiển xe mô tô 81H8- 3870 chở H đi đến đường Nguyễn Đường, phường Ia Kring, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai và phát hiện trước nhà 06 Nguyễn Đường có dựng chiếc một xe mô tô Yamaha Sirius biển số 81N1-2235 của ông Trần Hữu Đ không có người trông coi. H dùng vạm phá khóa để mở ổ khóa điện xe mô tô rồi cả hai điều khiển xe đến huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum đem bán cho Đỗ Văn C được 7.000.000đồng. Số tiền này H và T chia nhau tiêu xài. Chiếc xe mô tô này đã được thu hồi trả lại cho ông Trần Hữu Đ và ông Đ không yêu cầu gì về phần bồi thường. Qua định giá kết luận: Xe mô tô Yamaha Sirius biển số 81N1-2235 có giá trị 15.130.000đồng.

Vụ thứ 5: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 28-6-2009, Lê Hữu H rủ Phan Văn T đi trộm cắp tài sản. T đồng ý và điều khiển xe mô tô 81H8- 3870 chở H đi đến đường Trần Văn Bình, phường Trà Bá, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai phát hiện thấy một chiếc xe mô tô Yamaha Sirius biển số 81K5-5922 của ông Vũ Viết Q đang dựng bên cạnh lề đường không có người trông coi. H dùng vạm phá khóa để mở ổ khóa điện xe mô tô rồi cả hai điều khiển xe đến huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum và đem bán xe mô tô Yamaha Sirius biển số 81K5-5922 cho Đỗ Văn C với giá 5.000.000 đồng. Số tiền này H và T chia nhau tiêu xài. Chiếc xe trên đã được thu hồi trả lại cho ông Vũ Viết Q. Sau khi nhận lại xe, anh Q không yêu cầu gì về phần bồi thường. Qua định giá kết luận: Xe mô tô Yamaha Sirius biển số 81K5-5922 có giá trị 21.200.000 đồng.

Vụ thứ 6: Chiều ngày 02-7-2009, Phan Văn Thử Lê Hữu H đi đến huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai để T trả tiền nợ. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày thì Th điều khiển xe mô tô 81H8- 3870 chở H đi về lại nhà của T tại huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai. Khi đi đến trước nhà của bà Nguyễn Thị Lệ N tại: Tổ 2, thị trấn Chư Sê, huyện Chư Sê thì phát hiện một chiếc xe mô tô Yamaha Jupiter biển số 81K7-0645 đang dựng ở trước sân nhà không có người trông coi. H dùng vạm phá khóa để mở ổ khóa điện xe mô tô rồi cả hai điều khiển xe đến huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum và đem bán cho Đỗ Văn C với giá 6.500.000đồng. Số tiền này H và T chia nhau tiêu xài hết. Chiếc xe mô tô 81K7-0645 đã được thu hồi trả lại cho bà Nguyễn Thị Lệ N. Sau khi nhận lại xe, bà N không yêu cầu gì về phần bồi thường. Qua định giá kết luận: Xe mô tô Yamaha Jupiter biển số 81K7-0645 có giá trị 21.675.000đồng.

Ngày 04/7/2009, Lê Hữu H và Phan Văn T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kon Tum bắt giữ, khởi tố về hành vi trộm cắp tài sản tại tỉnh Kon Tum. Bản án số 14/2010/HSST ngày 19-3-2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xử phạt Lê Hữu H 03 (ba) năm tù và xử phạt Phan Văn Thử 02 (hai) năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản”. Hiện Lê Hữu H và Phan Văn T đã chấp hành xong hình phạt tù của bản án này.

Đối với hành vi chiếm đoạt tài sản nêu trên của Lê Hữu H và Phan Văn T đã bị khởi tố vụ án và khởi tố bị can trong vụ án hình sự Tòa án nhân dân thành phố thụ lý số: 80/2012/HSST ngày 21-6-2012; tại Bản án số: 116/2012/HSST ngày 07-9-2012 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai đã xử phạt Lê Hữu H 42 (Bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 21-01-2012 về tội: “Trộm cắp tài sản”. Đối với Phan Văn T đã bỏ trốn nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Pleiku đã Quyết định truy nã số: 05 ngày 21-5-2012 đồng thời ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra số: 14 ngày 23-5-2012 và Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Phan Văn Thử.

Đối với chiếc xe mô tô 81H8-3870 mà Phan Văn T sử dụng đi trộm cắp tài sản bị Công an tỉnh Kon Tum thu giữ, sau đó chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chư Sê xử lý. Qua điều tra xác định tài sản thuộc sở hữu của anh Lê Văn H1, trú tại: Tổ dân phố 8, thị trấn CS, huyện CS, Gia Lai. Việc Phan Văn T sử dụng xe mô tô biển số 81H8-3870 đi chiếm đoạt tài sản, thì anh H1 không biết. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chư Sê đã trả lại chiếc xe trên cho anh H1.

Đối với chiếc biển số 81H7-8109 thu giữ tại tiệm sửa xe của Đỗ Văn C là chiếc biển số của chiếc xe mô tô 81H7-8109 mà Lê Hữu H và Phan Văn T đã chiếm đoạt của chị Lê Thị L. Tại Bản án số: 116/2012/HSST ngày 07-9-2012 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku đã tịch thu tiêu hủy chiếc biển số 81H7-8109.

Đối với Đỗ Văn C là người đã tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có do Lê Hữu H, Nguyễn Văn S và Phan Văn Thử T trộm cắp được đem bán. Hiện hành vi tiêu thụ của Đỗ Văn C đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xử phạt 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Quá trình điều tra bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hay khiếu nại gì về Kết luận định giá số: 97/KL-HĐĐG ngày 18-11-2009 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Chư Sê và Kết luận định giá số:

97/KL-HĐĐG ngày 17-02-2012 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thành phố Pleiku đối với các tài sản bị chiếm đoạt nêu trên.

Bị cáo Phan Văn T khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên. Bị hại không có yêu cầu bồi thường gì.

Tại bản Cáo trạng số 119/CT-VKS ngày 06-8-2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai đã truy tố bị cáo Phan Văn T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phan Văn T thừa nhận hành vi chiếm đoạt tài sản của mình như nội dung Cáo trạng mà Kiểm sát viên công bố tại phiên tòa.

Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phan Văn T về tội: “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; các Điều 38, Điều 50 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phan Văn T mức án từ 42 (bốn mươi hai) đến 48 (bốn mươi tám) tháng tù; hình phạt bổ sung: Không.

- Về bồi thường dân sự và xử lý vật chứng của vụ án: Bản án số 116/2012/HSST ngày 07-9-2012 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku đã giải quyết về phần dân sự và xử lý vật chứng nên không xem xét. Buộc bị cáo phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 12.500.000đồng.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Phan Văn T không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa và không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo Phan Văn T nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin lỗi bị hại, bị cáo chỉ vì nghe lời rủ rê của Lê Hữu Hải và do trong thời điểm này vợ chồng của bị cáo mâu thuẫn nên dẫn đến việc bị cáo phạm tội. Nay bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và rất hối hận. Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Pleiku, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan

tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo:

Lời khai nhận tội của bị cáo Phan Văn T tại phiên tòa là phù hợp với các lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng; phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định bị cáo Phan Văn T đã thực hiện hành vi như sau: *“Trong khoảng thời gian từ ngày 20-5-2009 đến ngày 02-7-2009, tại địa bàn thành phố Pleiku và huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai; Lê Hữu H và Phan Văn T đã cùng nhau lén lút chiếm đoạt 06 (sáu) xe mô tô các loại có tổng giá trị tài sản là 97.605.000đồng với phương thức, thủ đoạn chiếm đoạt xe mô tô như sau: T là người điều khiển xe mô tô chở H đi dạo nếu phát hiện thấy xe mô tô của người dân để sơ hở không có người trong coi thì T dừng xe và đứng quan sát, H trực tiếp dùng vạm phá khóa để mở khóa và điều khiển xe chạy lên thị trấn STy, huyện ST, tỉnh Kon Tum để bán xe cho Đỗ Văn C. Xe mô tô các loại do H và Th chiếm đoạt được gồm: Xe mô tô biển số: 81T3-6881 của chị Huỳnh Thị Mỹ C trị giá: 17.860.000đồng; xe mô tô biển số: 81K5-8304 của bà Lê Thị D trị giá: 14.240.000đồng; xe mô tô biển số: 81H7-8109 của chị Lê Thị L trị giá: 7.500.000đồng; xe mô tô biển số: 81N1-2235 của ông Trần Hữu Đ trị giá: 15.130.000đồng; xe mô tô biển số: 81K5-5922 của ông Vũ Viết Q trị giá: 21.200.000đồng; xe mô tô biển số: 81K7-0645 của bà Nguyễn Thị Lệ N trị giá: 21.675.000đồng.”*

Bị cáo Phan Văn T hoàn toàn nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài mà bị cáo cố tình thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản cùng Lê Hữu H.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản, xâm phạm đến trật tự trị an xã hội gây tâm lý lo lắng trong nhân dân. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định hành vi của bị cáo Phan Văn T đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản”.

Hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trước thời điểm Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực thi hành. Khi đối chiếu, so sánh khung hình phạt được quy định trong tội: “Trộm cắp tài sản” của Bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì: Tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 có hình phạt cao nhất là tù chung thân còn Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hình phạt cao nhất là 20 năm tù. Căn cứ điểm h, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 về áp dụng nguyên tắc có lợi cho người phạm tội, thì hành vi của bị cáo Phan Văn T đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Đây là vụ án đồng phạm mang tính giản đơn, trong đó vai trò của bị cáo Phan Văn T và Lê Hữu H được xác như sau: Lê Hữu H là người khởi xướng và là người trực tiếp sử dụng vạm phá khóa thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; bị cáo Phan Văn T là người

giúp sức có vai trò cảnh giới, quan sát khi H sử dụng vạm phá khóa để tộ cấp tài sản. Vì vậy, vai trò của H trong vụ án là cao hơn bị cáo T.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp 06 lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và đã tự khai nhận các hành vi phạm tội của mình khi chưa có ai phát hiện. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị cáo Phan Văn T có nhân thân tốt nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng. Tại Bản án số: 14/2010/HSST ngày 19-3-2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xử phạt Phan Văn Thắm 02 (hai) năm tù về tội: “Trộm cắp tài sản” nhưng bị cáo Phan Văn T đã chấp hành xong hình phạt của bản án này nên Hội đồng xét xử sẽ không tổng hợp hình phạt của nhiều bản án.

Sau khi bị cáo Phan Văn T chấp hành xong hình phạt tù của Bản án số: 14/2010/HSST ngày 19-3-2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum thì bị cáo đã bỏ trốn và bị truy nã đến ngày 17-5-2018, bị bắt theo Lệnh truy nã và bị tạm giữ từ ngày 17-5-2018, đến ngày 26-5-2018 bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Việc bị cáo bỏ trốn đã gây khó khăn cho việc điều tra và giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên áp dụng Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2018 xử phạt hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Hiện bị cáo đã ly hôn và trong thời gian bị truy nã bị cáo không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] Về bồi thường dân sự và xử lý vật chứng của vụ án: Bản án số 116/2012/HSST ngày 07-9-2012 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku đã giải quyết về phần dân sự và xử lý vật chứng. Ngoài ra, trong bản án này xác định số tiền mà bị cáo Phan Văn T và Lê Hữu Hải thu lợi bất chính là 25.000.000đồng và buộc Lê Hữu H phải nộp số tiền 12.500.000đồng để sung vào ngân sách nhà nước. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về bồi thường dân sự và xử lý vật chứng của vụ án; buộc bị cáo Phan Văn Thắm phải nộp số tiền thu lợi bất chính là 12.500.000đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phan Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ điểm h, khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phan Văn T 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (ngày 17-5-2018).

2. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Buộc bị cáo Phan Văn T phải nộp số tiền 12.500.000đ (Mười hai triệu, năm trăm nghìn đồng) thu lợi bất chính để sung vào ngân sách nhà nước.

3. Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Phan Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND Tp. Pleiku;
- Công an Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp. Pleiku;
- Bị cáo, Người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Vũ Đình Nguyên

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai
- VKSND Tp. Pleiku;
- Công an Tp. Pleiku;
- Chi cục THADS Tp. Pleiku;
- Bị cáo, Người bào chữa (nếu có);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Đình Nguyên